TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2026/DS-ST
Ngày: 25-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ

Ông Phan Văn Cường

Thư ký phiên toà: Bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 607/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 346/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 335/2026/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Ngọc L, sinh năm 1970; địa chỉ: Số F (66/1) Nguyễn Thị Minh K, Khu phố I, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Lê Hữu N, sinh năm 1996; địa chỉ: Số B, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền ngày 03/3/2026). Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng K1, sinh năm 1990; địa chỉ: Số I, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hữu N trình bày:

Bà Đoàn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Hồng K1 quen biết qua giới thiệu. Ngày 11/12/2019, bà L có cho bà K1 vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để bà K1 đầu tư làm ăn kinh doanh. Ngoài ra, bà K1 còn vay của bà L nhiều lần khác, tổng số tiền bà K1 đã vay của bà L là 130.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 30/11/2020, hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Thực hiện thỏa thuận vay tiền, bà L đã giao đủ số tiền 130.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà K1 nhiều lần hứa hẹn nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà L.

Ngày 16/01/2026, bà L đã gửi Thông báo thanh toán nợ cho bà K1, yêu cầu bà K1 thanh toán tiền nợ gốc 130.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra thông báo, tuy nhiên, bà K1 không thực hiện, trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho bà L.

Nhận thấy, việc bà K1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L nên bà L khởi kiện yêu cầu bà K1 phải trả nợ gốc 130.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 10%/năm, từ ngày 26/01/2026 (ngày hết hạn trả nợ theo thông báo) tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/5/2026) là 130.000.000 đồng x 10%/năm x 119 ngày = 4.238.356 đồng. Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Hồng K1 phải trả cho bà Đoàn Ngọc L tính đến ngày 25/5/2026 là 134.238.356 đồng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là: Giấy vay tiền ngày 11/12/2019, ngày 30/11/2020 và 01 giấy vay tiền không ghi ngày, tháng, năm; Căn cước công dân; Thông báo yêu cầu thanh toán nợ; báo phát; Giấy ủy quyền.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng K1 đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đến Tòa án làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vào ngày 20/4/2026; Thông báo tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải lần 1 vào ngày 28/4/2026; Thông báo tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải lần 2 vào ngày 07/5/2026; thông báo về việc tham gia phiên tòa vào ngày 18/5/2026 và ngày 25/5/2026. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Hồng K1 vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà Đoàn Ngọc L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng K1; địa chỉ: Số I, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh trả tiền nợ vay và lãi phát sinh theo các giấy vay tiền. Xét, đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng K1 đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng bà Đoàn Ngọc L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng K1 trả nợ gốc 130.000.000 đồng và lãi phát sinh do chậm trả là 10%/năm, tính từ ngày 26/01/2026 (ngày hết hạn trả nợ theo thông báo) đến ngày 25/5/2026 là 130.000.000 đồng x 10%/năm x 119 ngày = 4.238.356 đồng. Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Hồng K1 phải trả cho bà L là 134.238.356 đồng.

[5] Đối với yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Đoàn Ngọc L phải thanh toán nợ gốc 130.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy vay tiền ngày 30/11/2020 có nội dung "…Nay ngày 30/11/2020. Tôi xin viết lá đơn này, xin chị Đoàn Ngọc L giúp dùm em nói với người ta, để cho em xin hẹn đúng 1 lần nữa, để cho em đúng 25 tết em gửi lại số tiền, tổng cộng là 130 triệu (một trăm ba mươi triệu đồng). Em xin hẹn 1 lần nữa đúng ngày 25 tết em trả tiền…". Ngoài ra, nguyên đơn còn cung cấp hai giấy vay ngày 11/12/2029 và giấy vay (không thể hiện ngày, tháng, năm), nhưng nguyên đơn xác định hai giấy vay này đã được thay thế bởi giấy vay ngày 30/11/2020 thể hiện bà K1 nợ bà L số tiền 130.000.000 đồng và hẹn thời gian trả là ngày 25 tết, nhưng bà K1 không trả nên ngày 16/01/2026 bà L đã gửi thông báo yêu cầu bà K1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong thời hạn 10 (mười) ngày. Tuy nhiên, đến nay bà K1 không trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà L khởi kiện yêu cầu bà K1 phải thanh toán số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu trả tiền lãi chậm trả của nguyên đơn. Xét thấy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo thỏa thuận của Giấy vay tiền ngày 30/11/2020, các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 25 Tết tức ngày 06/02/2021 dương lịch.

Theo Điều 357 Bộ luật dân sự quy định về Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Tại Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."

Đối chiếu quy định trên thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả là 10%/năm là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bà K1 phải thanh toán tiền lãi cho bà L số tiền lãi chậm trả theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Tính từ ngày 26/01/2026 tính đến ngày 25/5/2026 là 130.000.000 đồng x 10%/năm x 119 ngày = 4.238.356 đồng.

[7] Từ những phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về nợ gốc và tiền lãi chậm trả. Buộc bà K1 phải thanh toán cho bà L tổng số tiền 134.238.356 đồng (trong đó nợ vay 130.000.000 đồng; nợ lãi 4.238.356 đồng).

[8] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Hồng K1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2023, 2024, 2025);

- Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 468 Bộ luật dân sự

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Ngọc L về việc Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng K1.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng K1 phải thanh toán cho bà Đoàn Ngọc L số tiền 134.238.356 đồng (trong đó nợ vay 130.000.000 đồng; nợ lãi 4.238.356 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị Hồng K1 phải chịu 6.711.918 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đoàn Ngọc L số tiền 3.276.712 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014567 ngày 09/3/2026 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng K1 phải chịu 4.200.000 đồng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để hoàn trả cho nguyên đơn bà Đoàn Ngọc L.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thời hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết